

Số: 2063/QĐ-UBND

Tràng Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
xây dựng công trình: Xây dựng ngầm thôn Pò Đoong,
xã Kim Đồng, huyện Tràng Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/NĐ-CP, ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Tràng Định về việc điều chỉnh danh mục dự án, công trình và phê duyệt bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm định số 196/BC-TCKH, ngày 24 tháng 9 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Xây dựng ngầm thôn Pò Đoong, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định với nội dung sau:

1. Tên công trình: Xây dựng ngầm thôn Pò Đoong, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trảng Định.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ TNHH tư vấn kỹ thuật An Phát.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Bé Phương Thịnh.

5. Mục tiêu, hiệu quả đầu tư.

Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm phục vụ việc đi lại, sản xuất của nhân dân trong vùng được thuận lợi hơn, góp phần tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng.

6. Quy mô

6.1. Quy mô

Xây dựng ngầm tràn kết hợp cầu bản $L_b=4,0m$ và đường dẫn vuốt nối với đường đất hiện có.

- Tại vị trí ngầm Pò Đoong 1: Thiết kế mở nền đường dẫn $42,32m$, đoạn đường bê tông và phần ngầm tràn kết hợp cầu bản là $29,99m$.

- Tại vị trí ngầm Pò Đoong 2: Thiết kế mở nền đường dẫn dài $43,37m$, đoạn đường bê tông và phần ngầm tràn kết hợp cầu bản là $28,46m$.

- Phần đường dẫn: Tham khảo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại C nền đường rộng $4,0m$, mặt BTXM - M250, rộng $3,0m$.

- Phần ngầm tràn: Khổ ngầm rộng $4,0+2x0,5=5,0m$, mặt ngầm bằng BTXM - M250 (đá $2x4$)cm, dày $16cm$, trên lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày $10cm$. Gia cố mái taluy thượng lưu, hạ lưu, sân ngầm bằng BTXM - M200, trên lớp đệm đá dăm ($2x4$)cm.

- Phần cầu bản: Xây dựng cầu bản nhỏ nhẹ với khẩu độ $L_b = 4,0m$.

+ Tải trọng: H13-X60.

+ Khổ cầu: $B_c = 4,0+2x0,25 = 4,5m$.

6.2 Giải pháp thiết kế.

a) Hướng tuyến và các phương án tuyến:

- Tuyến bám theo đường cũ hiện có hạn chế đào sâu, đắp cao đảm bảo bán kính cong nằm tối thiểu $R_{min} = 10m$.

b) Thiết kế trắc dọc tuyến:

- Thiết kế trắc dọc phù hợp với địa hình khu vực, hạn chế đào sâu đắp cao và khống chế độ dốc dọc tối thiểu đảm bảo với độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường.

c) Thiết kế trắc ngang đường dẫn:

- Bề rộng nền đường $4,0m$, mặt BTXM - M250, rộng $3,0m$.

- Siêu cao một mái $i_{sc} = 5\%$ với các đường cong có bán kính $R < 100m$.

- Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$.

- Rãnh dọc: Thiết kế rãnh dọc hình thang rộng 1,0m, sâu 0,3m, đáy rộng 0,4m.

- Mái taluy đào: 1/0,5, mái taluy đắp: 1/1,5.

- Nền đường phải được đầm chặt $K = 0,95$.

- Đoạn nền đắp có độ dốc ngang $\geq 20\%$ đào cấp rộng 1m dốc ngang 2% về phía lòng đường.

d) Thiết kế mặt đường:

- Kết cấu mặt đường BTXM - M250, có cấu tạo các lớp từ trên xuống dưới như sau.

+ Lớp mặt BTXM - M250, đá (2x4)cm, dày 16cm, rộng 3,0m.

+ Lớp bạt dứa chống thấm.

+ Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II, dày 10cm, rộng 3,2m.

+ Lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$

- Mặt đường BTXM - M250, đá (2x4)cm, được đổ tại chỗ

* Vị trí ngầm Pò Đòng 1

- Phạm vi đường dẫn từ cọc TD2 (Km15+013,58) đến cọc TC2 (Km15+026,64) nền đường rộng 4,0m.

- Từ cọc TC3 (Km15+060,72) đến cọc 6 (Km15+092,42) nền đường rộng 4,0m.

- Phạm vi ngầm tràn từ cọc TD3(Km15+050,11) đến cọc TC4 (Km15+080,10).

* Vị trí ngầm Pò Đòng 2

- Phạm vi đường dẫn từ cọc D1 (Km15+900) đến cọc TC2 (Km15+969,14) nền đường rộng 4,0m, mặt đường rộng 3,0m vuốt dần lên nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 4,0m.

- Từ cọc TC3 (Km15+997,60) đến cọc D5 (Km16+032,01) nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 4,0m vuốt dần về nền đường rộng 4,0m, mặt đường rộng 3,0m.

- Phạm vi ngầm tràn từ cọc TC2 (Km15+969,14) đến cọc TC3(Km15+997,60).

* Kết cấu 02 vị trí ngầm

- Kết cấu đường dẫn bằng BTXM - M250, đá (2x4)cm, dày 16cm. Trên lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 10cm.

- Phần lè đường BTXM - M200, đá (2x4)cm, dày 16cm, rộng 2x0,5m. Móng đá dăm (2x4)cm, dày 10cm.

- Phần chân khay mái gia cố: Bằng BTXM - M150, đá (2x4)cm.

- Độ dốc ngang mặt ngầm: 1,5% (Dốc một mái về phía hạ lưu).

- Mái ngằm phía thượng lưu: BTXM- M200, đá (2x4)cm, dày 16cm trên lớp đệm đá dăm (2x4)cm, dày 10cm. Độ dốc 1/2.

- Mái ngằm phía hạ lưu: BTXM - M200, đá (2x4)cm dày 16cm trên lớp đệm đá dăm (2x4)cm, dày 10cm. Độ dốc 1/3.

- Bố trí các khe nhiệt trên mái ngằm cách nhau 5,0m/1khe, kích thước khe Bxh= 2x4cm, được trít đầy matit nhựa.

e) Phần cầu bản 02 ngằm:

- Thiết kế tham khảo thiết kế điển hình cầu bản mô nhẹ 531-11-02 của viện thiết kế bộ GTVT.

- Thiết kế tham khảo thiết kế điển hình ngằm tràn hỗn hợp 79-08X của viện thiết kế bộ GTVT.

- Khổ cầu Bc = $4,0 + 2 \times 0,25 = 4,5\text{m}$.

- Khẩu độ Ln = 4,0m.

- Bản mặt cầu BTCT- M250, đá (1x2) cm, dày 30cm, cốt thép chủ F22-CB300-V, thép cấu tạo F10-CB240-T, F8-CB240-T.

- Mũ mố BTCT - M250, đá (2x4)cm.

- Thân mố BTXM - M200 đá (2x4)cm.

- Thân tường cánh BTXM - M150 đá (2x4)cm.

- Móng mố, móng tường cánh BTXM - M150 đá (4x6)cm.

- Giằng chống BTXM - M150, đá (2x4)cm.

- Tận dụng cuội sỏi suối đào móng để đắp sau mố.

- Lòng cầu và sân gia cố BTXM - M200, đá (2x4)cm, dày 16cm, trên lớp đệm đá dăm (2x4) dày 10cm, chân khay chống xói BTXM - M150, đá (2x4)cm.

- Sau chân khay xếp khan chống xói bằng đá hộc (20x30)cm.

- Móng mố, móng tường cánh đặt trên nền đá.

- Cọc tiêu, cột thủy chí BTCT - M200, đá (1x2)cm, biển báo sử dụng biển phản quang.

g) Phần đường tránh:

- Thiết kế san gạt đường cũ tạo đường tránh thi công phía thượng lưu công trình.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Kim Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: 753,69 m².

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

10. Tổng mức đầu tư: **966.434.000** đồng, Trong đó:

- Chi phí xây dựng	777.530.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	20.753.000	đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 114.596.000 đồng
- Chi phí khác 7.400.000 đồng
- Chi phí dự phòng 46.155.000 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp kinh tế ngân sách huyện

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020- 2021.

14. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

14.1. Phần công việc đã thực hiện gồm:

- Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và thẩm định BCKTKT.
- Tổng giá trị: 89.876.000 đồng.

14.2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, gồm:

- Các chi phí: Quản lý dự án, kiểm tra công tác nghiệm thu, thẩm định kết quả LCNT, thẩm tra phê duyệt quyết toán.

- Tổng giá trị: 27.969.000 đồng.

14.3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm: 02 gói thầu. Trong đó: 01 gói thầu xây lắp và 02 gói thầu khác.

- Tổng giá trị: 848.589.000 đồng

(Có Biểu chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện xây dựng công trình theo các quy định hiện hành.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định quyết toán công trình hoàn thành trình UBND huyện phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chánh VPHĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: Văn thư, TC-KH.

Vũ Đức Thiện

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Công trình: Xây dựng ngầm thôn Pò Đòng, xã Kim Đồng, huyện Trảng Định
(Kèm theo Quyết định số: 2063/QĐ-UBND, ngày 29/9/2020 của UBND huyện Trảng Định)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gxd	(Gxd1+Gxd2)	706.845.916	70.684.592	777.530.000
	Vị trí 1 (Ngầm Pò Đòng 1) (KM15+63.71M)	Gxd1	Có bảng tính	363.207.565	36.320.756	399.528.000
	Vị trí 2 (Ngầm Pò Đòng 2) (Km15+976.84m)	Gxd2	Có bảng tính	343.638.351	34.363.835	378.002.000
2	Chi phí quản lý dự án (Theo TT.16/2019)	Gqlda	Gxd x 2,936% x 1.0*1	20.752.996		20.753.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		104.178.136	10.417.814	114.596.000
3.1	Chi phí khảo sát bước lập BCKTKT		Có bảng tính	43.368.182	4.336.818	47.705.000
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo TT.16/2019)		Gxd x 5,4%	38.169.679	3.816.968	41.987.000
3.3	Chi phí giám sát thi công XD (Theo TT.16/2019)		Gxd x 3,203% x 1	22.640.275	2.264.027	24.904.000
4	Chi phí khác	Gk		7.399.141	0	7.400.000
4.1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (Theo TT.209/2016)		TMĐT x 0,019% x 1	183.622		184.000
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Theo TT.10/2020)		TMĐT x 0,57% x 1	5.508.673		5.509.000
4.3	Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu (Theo NĐ.63/2014)		Lấy tối thiểu theo NĐ.63	1.000.000		1.000.000
4.4	CP nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng (tạm tính)		Gxd x 0,1%	706.846		707.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp	Gdp1	41.958.809	4.195.881	46.155.000
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) x 5%	41.958.809	4.195.881	46.155.000
	TỔNG CỘNG	GXDCT	Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp	881.134.998	85.298.286	966.434.000

BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**Công trình: Xây dựng ngầm thôn Pò Đoỏng, xã Kim Đồng, huyện Trảng Định***(Kèm theo Quyết định số: 2063/QĐ-UBND, ngày 29/9/2020 của UBND huyện Trảng Định)*

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Phương thức đấu thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện HĐ
I	Gói thầu xây lắp:							
1	Gói thầu số 01: Thi công xây lắp	823.685.000	Sự nghiệp kinh tế huyện		Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV năm 2020	Hợp đồng trộn gói	05 tháng
	<i>Chi phí xây dựng</i>	<i>777.530.000</i>						
	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh</i>	<i>46.155.000</i>						
II	Các gói thầu khác (01 gói thầu):							
1	Gói thầu số 01: Giám sát thi công xây dựng	24.904.000			Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV năm 2020	Hợp đồng trộn gói	Trong thời gian thi công (05 tháng)
	Tổng cộng giá các gói thầu:	848.589.000						